

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG H
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lil.
- Ông Nguyễn Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 721/2023/TLST – HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đông H, tỉnh B.

(Chị T có mặt; anh U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Mai Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2011 anh chị tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Điền Tây, huyện Đông H, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn: Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường

xuyên cải vã, mâu thuẫn và hiện anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân thì anh chị không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 21/11/2009 và Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh ngày 14/10/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn U trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, anh xác định còn thương chị T nên yêu cầu được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 21/11/2009 và Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh ngày 14/10/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn U, có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay chị T xác định không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn. Tuy nhiên, theo anh U xác định anh còn yêu thương chị T nên yêu cầu được đoàn tụ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tự nguyện vun đắp tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm không còn và hiện đã sống ly thân, nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 21/11/2009 và Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh ngày 14/10/2015 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị có yêu cầu nuôi 02 con chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2024 bé Nhi và Nghĩa đều có nguyện vọng được sống với chị T nên cần tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng và phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị T phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009821 ngày 20/12/2023 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh ngày 21/11/2009 và Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh ngày 14/10/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị T phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009821 ngày 20/12/2023 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Như Ý

